

Bài 39. BẢNG THỐNG KÊ VÀ BIỂU ĐỒ TRANH (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

- Biết cách lập bảng thống kê.
- Đọc và phân tích được dữ liệu từ bảng thống kê.

2. Phát triển năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự giác nghiên cứu, tìm tòi phân tích các dữ liệu, lập bảng thống kê.
- Giao tiếp và hợp tác: Trình bày được kết quả thảo luận của nhóm, biết chia sẻ giúp đỡ bạn thực hiện nhiệm vụ học tập, biết tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.
- Năng lực mô hình hóa toán học: Vận dụng kiến thức toán học giải quyết vấn đề xuất hiện trong tình huống thực tiễn (thống kê số lượng từng cỡ áo bán được của cửa hàng, thống kê cân nặng của các học sinh trong lớp, số huy chương ...).
- Năng lực tư duy và lập luận: Phân tích thông tin, biểu diễn được dữ liệu vào bảng thống kê; đồng thời từ bảng thống kê tìm hiểu rút ra được các thông tin phù hợp.

3. Phẩm chất

- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả hoạt động của nhóm.
- Trách nhiệm: Tự giác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS: Bộ dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: MỞ ĐẦU (5 phút)

a) *Mục tiêu:* HS hiểu và nêu được nếu nhìn vào dữ liệu ở dạng liệt kê thì khó có thể biết ngay được cỡ áo nào được bán nhiều nhất.

b) *Nội dung:*

- HS chú ý theo dõi tình huống và trả lời câu hỏi.

– Nhìn vào dãy dữ liệu này, nhân viên cửa hàng có thể biết ngay cỡ áo nào được bán nhiều nhất không?

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS: Nếu nhìn vào dữ liệu ở dạng liệt kê thì khó có thể biết ngay cỡ áo nào được bán nhiều nhất.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>Chiếu tình huống mở đầu (SGK tr.73) và hỏi nhìn vào dãy dữ liệu này, nhân viên cửa hàng có thể biết ngay cỡ áo nào được bán nhiều nhất không?</p> <p>Nếu nhìn vào dữ liệu ở dạng liệt kê thì khó có thể biết ngay cỡ áo nào được bán nhiều nhất. Ta cần biểu diễn dữ liệu dưới một dạng khác. Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.</p>	<p>HS lắng nghe và suy nghĩ trả lời câu hỏi.</p> <p>HS lắng nghe và ghi nhớ.</p>

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (20 phút)

1. Bảng thống kê

a) **Mục tiêu:** HS biết hoàn thiện bảng thống kê và thực hiện lập được bảng thống kê từ các dữ liệu đã cho ở dạng liệt kê. Phân tích được dữ liệu từ bảng thống kê.

b) **Nội dung:**

– HS thảo luận theo cặp hoàn thành yêu cầu HĐ1.

– HS thực hiện phiếu học tập số 1.

Phiếu học tập số 1: Cho dãy số liệu về cân nặng (theo đơn vị kilôgam) của 15 học sinh lớp 6 như sau:

39 41 45 41 42 40 42 40 41 43 40 42 45 42.

a) Hãy lập bảng thống kê theo mẫu sau:

<i>Cân nặng (kg)</i>	39	40	41	42	43	45
<i>Số học sinh</i>

b) Dựa vào bảng hãy cho biết có bao nhiêu bạn nặng 45 kilôgam?

.....

– HS thực hiện Ví dụ 1.

c) Sản phẩm:

– HĐ1: a)

<i>Cỡ áo</i>	S	M	L
<i>Số lượng bán được</i>	10	30	15

b) Cỡ áo bán được nhiều nhất là M; cỡ áo bán được ít nhất là S.

– Phiếu học tập số 1:

a)

<i>Cân nặng (kg)</i>	39	40	41	42	43	45
<i>Số học sinh</i>	1	4	3	4	1	2

b) Có 2 bạn nặng 45 (kg).

– Ví dụ 1: Bảng trên cho biết thông tin về diện tích, dân số của 4 tỉnh/thành phố là Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Quảng Ninh.

Đơn vị đo diện tích là kilômét vuông (km²) và dân số tính theo đơn vị là nghìn người.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chiếu HĐ1, yêu cầu HS đọc và thảo luận theo cặp đôi để hoàn thành yêu cầu HĐ1. Gọi HS đứng tại chỗ báo cáo kết quả thảo luận và các HS khác chú ý theo dõi, nhận xét. GV nhận xét và chốt. Yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập số 1 (thời gian 3p). GV gọi 1 HS trả lời, các HS đối chéo phiếu học tập cho nhau để kiểm tra và chấm bài; sau đó nộp lại phiếu cho GV. GV nhận xét và lưu ý HS sai lầm các em hay mắc: Khi đếm các dữ liệu các em không chú ý, không cẩn thận, đếm thừa hoặc thiếu số liệu dẫn đến lập bảng sai ví dụ ở HĐ1 các em lại đếm được cỡ áo size M là 28; hay ở HĐ2 số HS có cân nặng 40 kg là 5,...	HS đọc và thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ. HS báo cáo và nhận xét. HS lắng nghe và ghi nhớ. HS hoạt động cá nhân. HS trả lời. HS chú ý, lắng nghe.
GV chốt.	HS lắng nghe và ghi nhớ.
Yêu cầu HS đọc và GV hướng dẫn HS thực hiện Ví dụ 1. GV nhấn mạnh các bảng thu được trong HĐ1, HĐ2 và bảng cho trong Ví dụ 1 được gọi là bảng thống kê.	HS đọc và làm Ví dụ 1 theo hướng dẫn của GV. HS lắng nghe và ghi nhớ.

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (18 phút)

a) **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức và rèn kỹ năng lập bảng thống kê.

b) **Nội dung:**

- HS nhắc lại kiến thức thế nào là cây rễ cọc, cây rễ chùm? Thực hiện giải bài tập 1.
- Nêu cách phân loại huy chương theo điểm số. Thực hiện bài tập 2.

c) **Sản phẩm:**

Đặc điểm phân biệt cây rễ cọc, cây rễ chùm: Cây rễ cọc có rễ cái to, khỏe, đâm sâu xuống đất và nhiều rễ con, từ các rễ con lại mọc ra nhiều rễ bé hơn nữa; rễ chùm gồm nhiều rễ to, dài gần bằng nhau, thường mọc toả ra từ gốc thân thành 1 chùm.

1. Rễ cọc: Bưởi, hồng xiêm, mít, ổi; rễ chùm: lúa, tỏi, hoa huệ

Loại rễ	Rễ cọc	Rễ chùm
Số lượng cây	4	3

2. Phân loại huy chương theo điểm số

Từ 15 đến dưới 24 điểm: Huy chương đồng; từ 24 đến dưới 31 điểm: Huy chương bạc; từ 31 điểm trở lên: Huy chương vàng.

Bảng thống kê:

Huy chương	Vàng	Bạc	Đồng
Số học sinh	2	2	2

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– Cho biết đặc điểm phân biệt cây rễ cọc và rễ chùm.</p> <p>Các em hãy vận dụng kiến thức các bộ môn đã được học để hoàn thành bài 1. GV chuẩn bị sẵn trên bảng phụ và yêu cầu 1 HS lên hoàn thành bài.</p> <p>Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.</p> <p>GV nhận xét, đánh giá và lưu ý HS sai lầm thường gặp: Các em phân biệt sai cây rễ cọc, rễ chùm như các em cho cây hồng xiêm, ổi là cây rễ chùm... do đó các em lập sai bảng thống kê.</p> <p>GV chốt.</p> <p>– Chiếu nội dung bài 2, yêu cầu HS đọc đầu bài và trả lời câu hỏi: Cách phân loại huy chương theo điểm số như thế nào?</p> <p>GV chốt cách phân loại huy chương theo điểm số.</p>	<p>HS trả lời.</p> <p>HS làm bài 1.</p> <p>HS nhận xét, đánh giá.</p> <p>HS lắng nghe và ghi nhớ.</p> <p>HS suy nghĩ, trả lời.</p> <p>HS lắng nghe.</p> <p>HS hoạt động cá nhân.</p>

<p>Yêu cầu HS hoạt động cá nhân lập bảng thống kê theo mẫu (thời gian 3p), sau đó 2 bạn ngồi cạnh nhau sẽ đối chéo bài cho nhau để chấm.</p> <p>Gọi 1 HS lên hoàn thiện bài bằng cách điền dữ liệu vào bảng phụ GV đã chuẩn bị sẵn.</p> <p>GV và HS nhận xét, đồng thời các bạn cùng thực hiện chấm chéo bài.</p> <p>GV chốt kiến thức của bài.</p>	<p>HS lên trình bày bài.</p> <p>HS thực hiện nhận xét và chấm chéo bài.</p> <p>HS lắng nghe.</p>
---	--

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

- Ôn tập lại cách biểu diễn dữ liệu, lập bảng thống kê.
- Làm Bài tập 9.11 (SBT tr.67).
- Tìm hiểu trước Mục 2: *Biểu đồ tranh*.

TIẾT 119

Bài 39. BẢNG THỐNG KÊ VÀ BIỂU ĐỒ TRANH (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

Đọc và phân tích dữ liệu từ bảng thống kê và biểu đồ tranh.

2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày được kết quả thảo luận của nhóm, biết chia sẻ giúp đỡ bạn thực hiện nhiệm vụ học tập, biết tranh luận và bảo vệ ý kiến của mình.
- Năng lực tư duy và lập luận: Biểu diễn được dữ liệu vào bảng thống kê, biểu đồ tranh. Phân tích lựa chọn được biểu tượng phù hợp.
- Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán: Sử dụng các dụng cụ học tập bút chì, thước để lập bảng thống kê và vẽ biểu đồ tranh.
- Năng lực mô hình hóa toán học: Sử dụng được bảng biểu, hình vẽ, biểu tượng để mô tả được tình huống xuất hiện trong một số bài toán thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Trung thực: Báo cáo chính xác kết quả hoạt động của nhóm.
- Trách nhiệm: Chủ động khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Có ý thức giữ gìn vệ sinh cá nhân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy tính, máy chiếu, thước thẳng, phấn màu.

2. Chuẩn bị của HS: Thước kẻ, bút chì, bảng nhóm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG (4 phút)

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú, gọi động cơ tìm hiểu về vẽ biểu đồ tranh biểu diễn số lượng bàn thắng mỗi bạn ghi được.

b) **Nội dung:**

– HS quan sát một đoạn video về trận bóng đá HS mà có cầu thủ ghi bàn.

– Trả lời câu hỏi: Em theo dõi được điều gì từ đoạn video trên? Có bạn nào ở lớp mình đã tham gia các giải bóng đá của trường hay chưa? Khi tham gia các giải đó các em cảm thấy như thế nào?

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời: Thấy được cầu thủ ghi bàn thắng.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Cho HS quan sát một đoạn video về trận bóng đá của HS mà có một cầu thủ ghi bàn. Em theo dõi được điều gì từ đoạn video trên? Có bạn nào ở lớp mình đã tham gia các giải bóng đá của trường hay chưa? Khi tham gia cái giải đó các em cảm thấy như thế nào? GV chốt và nêu vấn đề: Trong giải bóng đá của trường, bạn Khanh ghi được 3 bàn thắng, bạn Tùng ghi được 9 bàn, còn bạn Thắng ghi được 12 bàn. Vẽ biểu đồ tranh biểu diễn số lượng bàn thắng mỗi bạn ghi được. Chúng ta tìm hiểu trong bài học hôm nay.	HS chú ý quan sát. HS trả lời. HS lắng nghe.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (22 phút)

2. Biểu đồ tranh

a) **Mục tiêu:** HS vẽ được biểu đồ tranh đơn giản; từ biểu đồ tranh lập được bảng thống kê biểu diễn thông tin.

b) **Nội dung:**

– HS đọc yêu cầu Ví dụ 2. HS trả lời câu hỏi: ƯCLN(3, 9, 12) là bao nhiêu? Chúng ta sử dụng biểu tượng gì để biểu diễn số lượng bàn thắng? Hãy cho biết số bàn thắng của Khanh ứng với mấy biểu tượng. Tương tự với Tùng và Thắng.

– HS thực hiện nhiệm vụ ở HD3.

– HD4: HS trả lời câu hỏi: Có mấy loại dữ liệu cần thống kê, đó là loại dữ liệu nào?

HS hoạt động theo nhóm hoàn thành yêu cầu HD4.

– HS hoàn thành Ví dụ 3.

c) Sản phẩm:

– Ví dụ 2: Biểu đồ tranh.

– HD3: Biểu đồ tranh.

– HD4: Có 2 loại dữ liệu cần thống kê, đó là: Số bạn mang bút chì ở tổ; số bạn mang tẩy ở tổ.

Bảng thống kê:

<i>Đồ dùng học tập</i>	<i>Số học sinh</i>
Bút chì	
Tẩy	

<i>Bút chì</i>				
<i>Tẩy</i>				

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– Yêu cầu HS đọc nội dung Ví dụ 2.</p> <p>GV: Để vẽ biểu đồ tranh ta cần phân tích mối liên hệ giữa các dữ liệu đã cho, lựa chọn biểu tượng phù hợp, đơn giản, dễ vẽ.</p> <p>ƯCLN (3, 9, 12) là bao nhiêu?</p> <p>Chúng ta sử dụng biểu tượng gì để biểu diễn số lượng bàn thắng?</p> <p>Hướng dẫn HS: Sử dụng biểu tượng (quả bóng) để biểu diễn số bàn thắng, mỗi biểu tượng (quả bóng) biểu diễn 3 bàn thắng.</p> <p>Em hãy cho biết số bàn thắng của Khanh ứng với mấy biểu tượng, tương tự với Tùng và Thắng?</p> <p>GV nhận xét và hướng dẫn HS vẽ biểu đồ tranh.</p>	<p>HS đọc.</p> <p>HS lắng nghe và ghi nhớ.</p> <p>HS trả lời.</p> <p>HS lắng nghe.</p> <p>HS suy nghĩ và trả lời.</p> <p>HS làm bài theo hướng dẫn của GV.</p>

<p>GV nhấn mạnh: Khi vẽ biểu đồ tranh các em cần quan tâm lựa chọn biểu tượng đơn giản, dễ vẽ; đồng thời chú ý cách chọn số lượng tương ứng với 1 biểu tượng.</p>	<p>HS lắng nghe và ghi nhớ.</p>
<p>– Chiếu nội dung HĐ3 và nêu yêu cầu của HĐ.</p> <p>Hãy cho biết số lượng áo cỡ M, L mà cửa hàng đã bán được là bao nhiêu?</p> <p>Mỗi biểu tượng (áo) ứng với 5 chiếc áo, 30 chiếc áo sẽ làm bao nhiêu biểu tượng?</p> <p>Yêu cầu HS hoạt động cá nhân trong 3p hoàn thiện biểu đồ tranh. Sau đó GV yêu cầu HS đổi bài, kiểm tra chéo theo cặp.</p> <p>Chiếu biểu đồ tranh đã chuẩn bị, nhấn mạnh cách vẽ và yêu cầu HS theo dõi chấm bài của bạn theo tiêu chí GV đưa ra.</p>	<p>HS lắng nghe và suy nghĩ trả lời.</p> <p>HS trả lời.</p> <p>HS làm bài.</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.</p>
<p>– Yêu cầu HS đọc nội dung HĐ4.</p> <p>Có mấy loại dữ liệu cần thống kê, đó là loại dữ liệu nào?</p> <p>GV chốt.</p> <p>Yêu cầu HS hoạt động nhóm trong 4p (mỗi tổ là 1 nhóm) để làm bài, trình bày trên bảng nhóm và sau đó cử đại diện nhóm lên trình bày.</p> <p>Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá.</p> <p>GV nhận xét và lưu ý HS sai lầm các em thường mắc: Khi vẽ biểu đồ tranh các em chọn những biểu tượng phức tạp, khó vẽ; hay khi chọn biểu tượng biểu diễn bao nhiêu bạn mang bút chì. Ví dụ có 8 bạn, các em chọn 1 biểu tượng biểu diễn 3 bạn, dẫn đến khó biểu diễn hơn.</p>	<p>HS đọc.</p> <p>HS trả lời.</p> <p>HS lắng nghe.</p> <p>HS hoạt động nhóm và báo cáo kết quả.</p> <p>HS nhận xét, đánh giá.</p> <p>HS ghi nhớ.</p>
<p>– GV nêu: Trong hoạt động trên các em đã lập bảng thống kê rồi vẽ biểu đồ tranh cho bảng thống kê đó, trong Ví dụ 3 thì từ biểu đồ tranh các em lại lập bảng thống kê. GV chiếu và yêu cầu HS phân tích Ví dụ 3.</p> <p>Mỗi biểu tượng (hoa) ứng với mấy bông hoa?</p> <p>Muốn tính số hoa mỗi bạn đã làm được ta làm thế nào?</p> <p>GV chốt và hướng dẫn HS trình bày bài.</p>	<p>HS lắng nghe và phân tích ví dụ.</p> <p>HS trả lời.</p> <p>HS hoàn thành bài.</p>

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP (7 phút)

a) **Mục tiêu:** HS lập được bảng thống kê biểu diễn số lượng học sinh trong lớp yêu thích mỗi món ăn.

b) **Nội dung:** HS thực hiện Luyện tập 2.

c) **Sản phẩm:** Bảng thống kê:

Tên món ăn	Phở	Bánh mì	Bún	Xôi
Số lượng học sinh	10	20	5	10

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chiếu nội dung Luyện tập 2. Hãy nêu phương pháp giải bài tập. GV chốt. Yêu cầu HS hoạt động cá nhân hoàn thành bài và gọi 1 HS lên bảng trình bày. GV và HS nhận xét, đánh giá và chốt.	HS chú ý theo dõi. HS trả lời. HS lắng nghe. HS làm bài. HS nhận xét, đánh giá.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG (10 phút)

a) **Mục tiêu:** Củng cố và rèn cho HS kỹ năng lập bảng thống kê, biểu đồ tranh. Giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh cá nhân.

b) **Nội dung:**

– HS hoạt động theo cặp đôi hoàn thành phiếu học tập 1.

Phiếu học tập số 1: Một cuộc điều tra về vệ sinh trường học cho thấy có 50 học sinh có sử dụng xà phòng rửa tay, 30 học sinh chỉ rửa tay bằng nước sạch, 10 học sinh không rửa tay trước khi ăn.

a) Lập bảng thống kê biểu diễn dữ liệu đã thu thập:

Thực hiện	Sử dụng xà phòng rửa tay	Rửa tay bằng nước sạch	Không rửa tay trước khi ăn
Số học sinh			

b) Cho mỗi ☺ ứng với 10 học sinh. Vẽ biểu đồ tranh cho bảng thống kê thu được từ câu a.

Sử dụng xà phòng rửa tay	
Rửa tay bằng nước sạch	
Không rửa tay trước khi ăn	

c) **Sản phẩm:** Phiếu học tập số 1,

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV yêu cầu HS hoàn thành phiếu học tập 1 theo cặp đôi. GV và HS thực hiện nhận xét, đánh giá. GV tuyên truyền giáo dục HS giữ gìn vệ sinh cá nhân, thường xuyên rửa tay bằng xà phòng,...	HS hoạt động theo cặp đôi. HS nhận xét, đánh giá. HS lắng nghe và ghi nhớ.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

- Ôn tập lại kiến thức, cách lập bảng thống kê, vẽ biểu đồ tranh.
- Làm các Bài tập 9.8; 9.9; 9.10 (SGK tr.76).
- Tìm hiểu trước Bài 40. *Biểu đồ cột*.